

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/KDTM-ST

Ngày: 26-9-2025.

V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Hạnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Việt;

2. Bà Dương Thị Bạ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 26/2025/TLST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 8 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T; địa chỉ: T đất số 1364 tờ bản đồ 47, đường Đ, Tổ B khu phố C, phường U, tỉnh Bình Dương (nay là Thửa đất số 1364 tờ bản đồ 47, đường Đ, Tổ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Phước Hoàng M, sinh năm 1974. Địa chỉ liên hệ: Thửa đất số 1364 tờ bản đồ 47, đường Đ, Tổ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 08/5/2025). Có đơn đề nghị vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH J., L; địa chỉ: Khu công nghiệp Đ, Khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là Khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T là công ty chuyên kinh doanh mặt hàng keo ghép gỗ các loại. Ngày 02/01/2022, Công ty TNHH T ký Hợp đồng nguyên tắc số 43/2022 với bị đơn với nội dung như sau: Công ty TNHH T cung cấp cho Công ty TNHH J., L mặt hàng keo ghép gỗ các loại. Số lượng: Cụ thể theo từng đơn đặt hàng của bên mua được thể hiện trên hóa đơn tài chính. Đơn giá: thỏa thuận theo từng thời điểm biến động của thị

trường....được thể hiện trên hóa đơn tài chính. Thời gian giao hàng theo yêu cầu tiến độ của bên mua. Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty TNHH J., L1 Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản sau 30 ngày làm việc tính từ thời điểm hai bên đối chiếu xong công nợ và Công ty TNHH T xuất hóa đơn.

Sau khi ký Hợp đồng nguyên tắc số 43/2022, Công ty TNHH J., L đã đặt Công ty TNHH T đơn hàng cụ thể là:

- Ngày 08/01/2022, bị đơn đặt 400kg keo 3831 với đơn giá là 30.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 10/01/2022, bị đơn đặt 1.200kg keo 252 với đơn giá là 24.500 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 15/02/2022, bị đơn đặt 1.200kg keo 252 với đơn giá là 24.500 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 16/02/2022, bị đơn đặt 400kg keo 3831 với đơn giá là 30.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 09/03/2022, bị đơn đặt 1200kg keo 252 với đơn giá là 24.500 đồng/kg và 250kg keo H-15 với đơn giá 72.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 47.400.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu bốn trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 22/03/2022, bị đơn đặt 400kg keo 3831 với đơn giá là 33.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 13.200.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 29/03/2022, bị đơn đặt 600kg keo 3831 với đơn giá là 33.000 đồng/kg và 1.200 kg keo 252 với đơn giá là 24.500 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 49.200.000 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 10/05/2022, bị đơn đặt 400kg keo 3831 với đơn giá là 33.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 13.200.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 17/05/2022, bị đơn đặt 1.200kg keo 252 với đơn giá là 24.500 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 29.400.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 25/05/2022, bị đơn đặt 600kg keo 3831 với đơn giá là 33.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 19.800.000 đồng (Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

Tổng giá trị 10 lần đặt hàng là 280.500.000 đồng.

Nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ và bị đơn cũng đã nhận đủ thông qua các phiếu giao hàng số 000065 ngày 08/01/2022, 000068 ngày 10/01/2022, 000198 ngày 15/02/2022, 000207 ngày 16/02/2022, 000332 ngày 09/03/2022. 000407 ngày 22/03/2022, 000460 ngày 29/03/2022, 000751 ngày 10/05/2022, 000798 ngày 17/05/2022, 000838 ngày 25/05/2022 .

Sau khi giao nhận đủ hàng, nguyên đơn đã xác nhận công nợ với bị đơn và xuất hóa đơn điện tử số 0000054 ngày 28/01/2022, 0000085 ngày 26/02/2022, 0000158

ngày 30/03/2022, 0000244 ngày 28/04/2022, 00000035 ngày 27/05/2022, 00000103 ngày 29/06/2022, cho bị đơn.

Nguyên đơn đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu bị đơn thanh toán số còn lại 280.500.000 đồng chưa thanh toán. Đồng thời ngày 28/02/2023, bị đơn đã xác nhận công nợ chưa thanh toán của các đơn hàng thuộc Hợp đồng số 43/2022 là 280.500.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng) và tiếp tục hứa thanh toán sớm.

Ngày 02/01/2023, nguyên đơn tiếp tục ký Hợp đồng nguyên tắc số 43/2023 với bị đơn với nội dung như sau: Nguyên đơn cung cấp cho bị đơn mặt hàng keo ghép gỗ các loại như hợp đồng trước đây.

Sau khi ký Hợp đồng nguyên tắc số 43/2023, bị đơn đã đặt nguyên đơn 05 đơn hàng cụ thể là:

- Ngày 25/04/2023, bị đơn đặt 1.200kg keo 252 với đơn giá là 26.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 31.200.000 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 13/05/2023, bị đơn đặt 250kg keo H-15 với đơn giá là 78.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 29/05/2023, bị đơn đặt 1.200kg keo 252 với đơn giá là 26.000 đồng/kg và 200kg keo 3831 với đơn giá là 33.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 37.800.000 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 08/06/2023, bị đơn đặt 200kg keo 3831 với đơn giá là 33.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

- Ngày 10/06/2023, bị đơn đặt 100kg keo AB với đơn giá là 135.000 đồng/kg. Đơn hàng có tổng trị giá là 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) chưa bao gồm thuế VAT.

Tổng giá trị của 05 lần đặt hàng là 119.460.000 đồng (Một trăm mười chín triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) đã bao gồm thuế VAT.

Nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ và bị đơn cũng đã nhận đủ thông qua các phiếu giao hàng số 002177 ngày 25/04/2023, 002220 ngày 13/05/2023, 002289 ngày 29/05/2023, 002336 ngày 08/06/2023, 002346 ngày 10/06/2023. Sau khi giao nhận đủ hàng, nguyên đơn đã xác nhận công nợ với bị đơn và xuất hóa đơn điện tử số 00000211 ngày 30/05/2023, 00000233 ngày 28/06/2023 cho bị đơn.

Nguyên đơn đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu bị đơn thanh toán thanh toán công nợ còn lại chưa thanh toán của 2022 và công nợ phát sinh năm 2023 nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn nhưng vẫn không thanh toán.

Công ty TNHH T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Buộc bị đơn thanh toán 280.500.000 đồng tiền hàng chưa thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc số 43/2022 ngày 02/01/2022.

- Buộc bị đơn thanh toán 119.460.000 đồng tiền hàng chưa thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc số 43/2023 ngày 02/01/2023.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Hợp đồng nguyên tắc số 43/2022 ngày 02/01/2022 và 43/2023 ngày 02/01/2023. Phiếu

giao hàng số 000065 ngày 08/01/2022; 000068 ngày 10/01/2022; 000198 ngày 15/02/2022; 000207 ngày 16/02/2022; 000332 ngày 09/3/2022; 000407 ngày 22/3/2022; 000460 ngày 29/3/2022; 000751 ngày 10/5/2022; 000798 ngày 17/5/2022; 000838 ngày 25/5/2022; 002177 ngày 25/4/2023; 002220 ngày 13/5/2023; 002289 ngày 29/5/2023; 002336 ngày 08/6/2023; 002346 ngày 10/6/2023. Các hóa đơn: 0000054 ngày 28/01/2022; 0000085 ngày 26/02/2022; 0000158 ngày 30/3/2022; 0000244 ngày 28/4/2022; 00000035 ngày 27/5/2022, 00000103 ngày 29/6/2022. Bảng đối chiếu công nợ năm 2022; Hóa đơn số 00000211 ngày 30/5/2023; 00000233 ngày 28/6/2023.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH J., L:

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không đến Tòa và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

- Bị đơn vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ nào khác.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét thẩm tra tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH J., L thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa hai bên, bị đơn có trụ sở tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng nguyên tắc số 43/2022 ngày 02/01/2022 và 43/2023 ngày 02/01/2023 được ký kết giữa C và Công ty TNHH J., L, có chữ ký và mộc dấu của hai bên; các phiếu giao hàng, biên bản đối chiếu công nợ, hóa đơn giá trị gia tăng, văn bản đề nghị thanh toán số tiền còn nợ. Bị đơn vắng mặt, không gửi bất kỳ ý kiến nào dù đã được Tòa án thông báo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả về việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ qua yêu cầu của nguyên đơn.

Xét hợp đồng mua bán hàng hóa được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Quá trình thực hiện, nguyên đơn đã cung cấp hàng cho bị đơn, có phiếu xuất hàng được ký nhận, hóa đơn giá trị gia tăng theo từng đợt xuất hàng.

Trong đợt đầu tiên, bị đơn Công ty TNHH J., L xác nhận còn nợ 280.500.000 đồng tiền hàng chưa thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc số 43/2022 ngày 02/01/2022 và 119.460.000 đồng tiền hàng chưa thanh toán của Hợp đồng nguyên tắc số 43/2023 ngày 02/01/2023. Nguyên đơn đã nhắc nợ nhưng bị đơn không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên ghi nhận.

[3] Từ phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với bị đơn Công ty TNHH J., L về việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Công ty TNHH J., L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc là 399.960.000đ.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Công ty TNHH J., L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, 36, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 4, 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với Công ty TNHH J., L1

- Buộc Công ty TNHH J., L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền của Hợp đồng nguyên tắc số 43/2022 ngày 02/01/2022 là 280.500.000 đồng, Hợp đồng nguyên tắc số 43/2023 ngày 02/01/2023 là 119.460.000 đồng. Tổng số tiền nợ Công ty TNHH J., L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH T là 399.960.000đ (Ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH J., L phải chịu 19.998.000đ (mười chín triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH T số tiền 9.999.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004544 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hoa H